

Bản án số: 01/2020/HSST
Ngày 08/01/2020

Page |
1

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC THỦY, TỈNH HÒA BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh L Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông ông Lê Đắc Ty

- Ông Vũ X Hải

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Thắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chiến, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2019/HSST ngày 30/10/2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/HSST-QĐ ngày 28/11/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị A, tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 28/7/1982; tại: Vệ An, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú (HKTT): xóm A, Quỳnh Đô, Vĩnh Quỳnh, ThA Trì, Hà Nội.

Nghề nghiệp: lao động tự do

Trình độ văn hóa: 12/12.

Giới tính: Nữ.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N; Tôn giáo: Không.

Con ông: Nguyễn Văn T (đã chết) và bà: Đặng Thị H.

Chồng: Nguyễn Thế A1, sinh năm 1980 (Đã ly hôn);

Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2018 đến ngày 13/12/2018 tại Nhà tạm giữ, tạm giam - Công an huyện Lạc Thủy. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương và có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971;

HKTT: thôn A2, Cổ Nghĩa, Lạc Thủy, Hòa Bình (Có mặt).

- Bà Quách Thị H, sinh năm 1978;

HKTT: thôn Chợ Đập, Cổ Nghĩa, Lạc Thủy, Hòa Bình (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Bùi Thị P, sinh năm 2000;

HKTT: thôn Chợ Đập, Cổ Nghĩa, Lạc Thủy, Hòa Bình (Vắng mặt).

- A Nguyễn Minh H, sinh năm 1999;
HKTT: thôn A2, Cổ Nghĩa, Lạc Thủy, Hòa Bình (Vắng mặt).
- Công ty cổ phần xây dựng nhân lực Gia Vi (Gia Vi.,JSC): người đại diện ông Vi A T, sinh năm 1979 – Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc Công Ty.
Địa chỉ: Tầng 5 khối văn phòng – 130 Nguyễn Đ Cảnh – Tương Mai – Hoàng Mai – Hà Nội (Vắng mặt).
- A Nguyễn Tiến N, sinh năm 1983;
HKTT: khu 5 – Phường Nguyễn Trãi – tp Hải Dương – tỉnh Hải Dương (Vắng mặt).
- Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1987;
HKTT: xóm 6 – Hải Cường – Hải Hậu – N Định (Vắng mặt).
- Chị Vi Thị T, sinh năm 1993;
HKTT: 604 – Trường Chinh – Ngã Tư Sở - ThA X – Hà Nội (Vắng mặt).
- Ông Khổng Văn X, sinh năm 1978;
HKTT: xóm 12 – Phương Xá – Kim Bảng – Hà N (Vắng mặt).
- Ông Trịnh Quốc T, sinh năm 1976;
HKTT: 26/92 Lê Thánh Tông – Máy Chai – Ngõ Quyền – Hải Phòng (Có mặt).
- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1962;
HKTT: Thôn Gốc XA – Cổ Nghĩa – Lạc Thủy – Hòa Bình (Vắng mặt).
- A Nguyễn Thế A, sinh năm 1980;
HKTT: Lương Quy – X Nộn – Đông A – Hà Nội (Vắng mặt).
- Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt N (Techcombank AMC): Địa chỉ: 191 Bà Triệu – Lê Đại Hành – Hai Bà Trưng – Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền ông Dương Đình C, sinh năm 1987; Tổ 8, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên – HN; nhân viên xử lý nợ; Văn bản ủy quyền 1164 ngày 20/12/2019 (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị A: Luật sư Nguyễn Gia Cường, Công ty Luật TNHH Thiên Phú – Đoàn Luật sư TP Hà Nội; địa chỉ: 991, Tam Chinh, Yên Sở, Hoàng Mai, TP Hà Nội (Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng: Luật sư Nguyễn Thị ThA N, Công ty Luật TNHH TECHCO; địa chỉ: Tầng 7, số 31 Vũ Ngọc Phan, Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội (Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người làm chứng:

- Ông Hoàng Đình C, sinh năm 1966;
HKTT: Khu 11 – thị trấn Chi Nê – Lạc Thủy – Hòa Bình (Vắng mặt).
- Ông Nguyễn X, sinh năm 1980;
HKTT: Khu 9 – thị trấn Chi Nê – Lạc Thủy – Hòa Bình (Vắng mặt).
- Ông Lại Đ, sinh năm 1967;
HKTT: Khu 3 – thị trấn Chi Nê – Lạc Thủy – Hòa Bình (Vắng mặt).
- Ông Trần Đăng L, sinh năm 1975;
HKTT: thôn Chợ Đập – An Bình – Lạc Thủy – Hòa Bình (Vắng mặt).
- Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1960;
HKTT: khu 13 – thị trấn Chi Nê – Lạc Thủy – Hòa Bình (Vắng mặt).
- Ông Hoàng H, sinh năm 1983;
HKTT: khu 5 – thị trấn Chi Nê – Lạc Thủy – Hòa Bình (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị A, sinh năm 1982, có HKTT: Xóm A, xã Q, huyện V, H, tuy không phải là người của công ty cổ phần xây dựng nhân lực GIAVI (sau đây gọi tắt là Công ty Gia Vi) có trụ sở tại 130 Nguyễn Đ Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội có chức năng đưa người lao động Việt N đi làm việc ở nước ngoài (xuất khẩu lao động) nhưng lợi dụng sự quen biết với A Nguyễn Tiến N là nhân viên tuyển dụng cũ của Công ty GIAVI, Nguyễn Thị A vẫn lấy bộ hồ sơ pháp lý của Công ty GIA VI do N để trên xe ô tô của A sử dụng vào việc tuyển người trên địa bàn huyện Lạc Ty, tỉnh Hoà Bình đi xuất khẩu lao động sang thị trường Nhật Bản. Page | 3

Quá trình điều tra xác định cụ thể như sau:

Khoảng tháng 5 năm 2018, bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1962, có HKTT: thôn Gốc XA, Cổ Nghĩa, Lạc Thủy, Hòa Bình thông qua ông Vũ Ngọc Bắc, trú tại xã Ngọc Lương, Yên Thủy, Hòa Bình giới thiệu có Nguyễn Thị A (là cháu dâu), hiện đang làm nhân viên tuyển dụng xuất khẩu Lao động. Do cũng muốn đưa một số con, em người Lạc Ty đi xuất khẩu lao động để có thêm T nhập từ việc nhận môi giới nên bà Đ đã xin ông Bắc số điện thoại của A. Qua trao đổi điện thoại, A giới thiệu mình là nhân viên của Công ty Gia Vi và bà Đ hẹn gặp A tại Ngã 3 Sông Bôi, Cổ Nghĩa, Lạc Thủy, Hòa Bình. Khi gặp nhau, A vẫn giới thiệu với bà Đ hiện mình đang là nhân viên tuyển dụng xuất khẩu lao động của Công ty GIAVI đóng trên địa bàn thành phố Hà Nội; để tạo lòng tin A đã cho bà Đ xem một bộ hồ sơ pháp lý của Công ty GIAVI và hiện Công ty đang muốn khai thác nguồn lao động xuất khẩu trên địa bàn huyện Lạc Ty, tỉnh Hoà Bình. A thống nhất với bà Đ khi bà Đ giới thiệu được cho A một người đi xuất khẩu lao động thì A sẽ trả cho bà Đ tiền “H hồng” công môi giới là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Do tin tưởng A là người của Công ty GIAVI có đủ năng lực pháp lý để đưa người đi xuất khẩu lao động nên bà Đ đã đồng ý làm cho A.

Để khai thác nguồn lao động là các em học sinh ở các trường C học phổ thông (THPT) và trường Cao Đẳng Cơ điện Tây Bắc trên địa bàn huyện Lạc Ty, bà Đ đã dẫn A đi gặp ông Hoàng Đình C, sinh năm 1966, có HKTT: khu 11, thị trấn Chi Nê, Lạc Thủy, Hòa Bình (là người có mối quan hệ quen biết với Ban giám hiệu các nhà trường) nhờ ông C dẫn đến các trường để tư vấn cho học sinh đi xuất khẩu lao động. Khi gặp ông C, A cũng giới thiệu là người của Công ty GIAVI và xuất trình bộ hồ sơ pháp lý của Công ty GIAVI nên ông C đồng ý giúp.

Sau khi ông C liên hệ được với các trường, A điều khiển xe ô tô nhãn hiệu MAZDA3, màu sơn trắng, BKS: 30A-68079 của mình đến chỗ ông C, bà Đ đến các trường THPT trên địa bàn huyện Lạc Thủy, Trường cao đẳng cơ điện Tây Bắc và C Tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên huyện Lạc Thủy để tư vấn đi xuất khẩu lao động cho các em học sinh. Tại đây, A đều giới thiệu với Ban giám hiệu nhà trường là người của Công ty GIAVI hiện đang làm nhân viên tuyển dụng đưa người đi xuất khẩu lao động và đưa cho các trường hồ sơ liên quan đến Công ty GIAVI (cattalo và hồ sơ pháp lý) và được Ban giám hiệu các trường nhất trí và sắp xếp lịch. Theo chương trình, A, bà Đ và ông Bắc đã đến các trường THPT Lạc Thủy A, Lạc Thủy B, Lạc Thủy C tư vấn cho các em học sinh việc đi xuất khẩu lao động.

Tại trường cao đẳng cơ điện Tây Bắc đóng trên địa bàn khu 13, thị trấn Chi Nê, Lạc Ty, Hoà Bình; A giới thiệu với ông Trịnh Quốc T, Hiệu trưởng nhà trường bản thân là nhân viên tuyển dụng xuất khẩu lao động của Công ty GIAVI, muốn hợp tác với nhà

trường để khai thác nguồn lao động xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản và đưa cho ông T một quyển hồ sơ pháp lý và một cuốn catalo của Công ty GIAVI, đồng thời A đã mượn ông T một phòng làm việc tại Nhà trường để làm Văn phòng đại diện môi giới xuất khẩu lao động của Công ty GIAVI. Ông T cũng tin A là người của Công Ty GIAVI nhưng qua đối chiếu thấy không có giấy phép thông sở (đồng ý cho khai thác nguồn lao động) của Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Hoà Bình nên ông T không liên kết hợp tác mà chỉ cho mượn phòng.

Page |
4

Việc A đi giới thiệu, tư vấn, đưa hồ sơ pháp lý của Công ty GIAVI cho ông T và Ban giám hiệu trường Cao đẳng Cơ điện Tây Bắc, Công ty GIAVI không thừa nhận.

Thông qua buổi gặp gỡ tư vấn xuất khẩu lao động tại Huyện Lạc Thủy; trong khoảng thời gian tháng 6 và tháng 7/2018 có hai em học sinh là: Bùi Thị P, sinh năm 2000 (con gái bà Quách Thị H), có HKTT: thôn Chợ Đập, An Bình, Lạc Thủy, Hòa Bình và Nguyễn Minh H, sinh năm 1999 (con trai bà Nguyễn Thị L) có HKTT: thôn A2, Cổ Nghĩa, Lạc Thủy, Hòa Bình có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. A và bà Đ đến nhà bà H, khi vào A giới thiệu là người của Công ty GIAVI đang tuyển dụng người đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản và có bà Đ là người thân đi cùng A nên bà H đồng ý làm hồ sơ cho cháu Bùi Thị P đi xuất khẩu lao động sang Nhật Bản. A hẹn bà H đưa P đến căn phòng mượn nơi có treo biển Văn phòng đại diện tại Trường Cao đẳng cơ điện Tây Bắc để làm thủ tục hồ sơ đăng ký và đóng tiền đi xuất khẩu lao động. Gia đình bà H đã đưa cho A tổng số tiền là 173.000.000đ (Một trăm bảy mươi ba triệu đồng). Để làm tin cho việc T tiền A đã mua ở hiệu sách một quyển hoá đơn viết tay và 01 dấu “Đã T tiền” rồi viết 02 phiếu chụp dấu “đã T tiền” đưa cho bà H. Một phiếu ghi ngày 28/6/2018 đã nộp 4000 USD (bốn nghìn đô la Mỹ), một phiếu ghi ngày 14/8/2018 đã nộp 3.500 USD (ba nghìn năm trăm đô la Mỹ). Tổng số tiền bà H đã nộp cho A là 173.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu đồng).

Khi gặp gia đình bà L, A cũng giới thiệu là người của công ty xuất khẩu lao động GIAVI đang làm nhân viên tuyển dụng người đi xuất khẩu lao động. Gia đình bà L làm hồ sơ cho Nguyễn Minh H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, A thông báo tổng chi phí đi xuất khẩu lao động đối với H là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Khi làm hồ sơ, gia đình bà L đưa trước cho A số tiền 103.000.000đ (Một trăm linh ba triệu đồng). Sau khi T tiền của gia đình bà L, A cũng viết 01 phiếu T ghi 4000 USD (bốn nghìn đô la Mỹ) cho bà L.

A trả cho bà Đ 20.000.000 đồng công môi giới (mỗi lần 10 triệu) và đối trừ thêm cho bà Đ 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) tiền trực Văn phòng đại diện 02 tháng.

Ngày 09/7/2018, A đưa lao động Bùi Thị P và ngày 11/7/2018 đưa lao động Nguyễn Minh H đến C Tâm đào tạo tiếng Nhật có văn phòng tại công ty TNHH xuất khẩu lao động Bảo Sơn tại KM số 8, Lê Trọng T, An Khánh, Hoài Đ, Hà Nội để học tiếng Nhật Bản do A Phạm Văn Đ SN:1987, HKTT: Hải Cường, Hải Hậu, N Định làm Giám đốc C tâm để nhập học tiếng Nhật; khi đến A có nộp tiền Tê chăn màn, phòng trọ, mỗi lao động là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho Kế toán của C tâm là chị Vi Thị T, sinh năm 1993, có HKTT tại: 604 Trường Chinh, Ngã Tư Sở, ThA X (BL: số 286).

Quá trình học tiếng Nhật do A không nộp đủ tiền học cho Nguyễn Minh H và Bùi Thị P theo quy định của C tâm nên ngày 28/8/2018 H và P đã bị C tâm cho thôi học và thông báo về gia đình (BL 390).

Do đã nộp đủ tiền phí xuất khẩu theo yêu cầu của A nhưng thấy con mình bị thôi học với lý do “chưa đóng tiền học” nên gia đình bà L và bà H đã gọi điện thoại hỏi A.

Lúc này A gọi điện nhờ bà Đ liên hệ để chuyển H và P sang học chỗ khác. Do có quen biết với A Không Văn X, sinh năm 1978, có HKTT tại: Phương Xá, Đồng Hóa, Kim Bảng, Hà N là Trưởng phòng tuyển dụng của công ty Trí Đ nên bà Đ đã cho A số điện thoại A X để A liên lạc; A đã gọi điện thoại trao đổi với A X và được A X đồng ý. Ngày 17/9/2018, A đưa P đến công ty Trí Đ gặp A X làm thủ tục học tiếng Nhật để thi tuyển và nộp 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền đặt cọc chuyển khoản vào tài khoản A X. Ngày 24/9/2018 A nhờ bà Đ đưa Nguyễn Minh H đến gặp A X để làm thủ tục học tiếng Nhật để thi tuyển và nộp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền đặt cọc. Vì không nộp tiền (đơn hàng) nên A X chỉ cho H học tiếng chứ không làm thủ tục cho H thi tuyển.

Qua tìm hiểu từ P và H, A X biết A đã T tiền của gia đình P và H nhưng lại không nộp đầy đủ tiền khi nhập học theo quy định của công ty Trí Đ, A X đã trao đổi với gia đình P và H nếu không nộp tiền thì không cho thi tuyển đồng thời khuyên hai gia đình nên đòi lại số tiền đã nộp cho A. Hai gia đình bà H, bà L liên lạc với A và đòi lại số tiền đã đưa cho A nộp học phí đi xuất khẩu lao động. Do A hứa trả lại tiền cho hai gia đình những vẫn chưa trả nên ngày 26/10/2018, hai gia đình bà L và bà H đã làm đơn tố cáo hành vi của A đến cơ quan Công an huyện Lạc Thủy.

Ngày 27/10/2018 Nguyễn Thị A đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Lạc Thủy xin đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cơ quan CSĐT đã T giữ:

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng (không kiểm tra bên trong máy);

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG Gala xy S9, loại điện thoại cảm ứng, điện thoại cũ đã qua sử dụng (không kiểm tra bên trong máy).

- 01 (Một) xe ô tô nhãn hiệu MAZDA 3, màu sơn trắng, BKS: 30A - 68079, số máy: P520277129, số khung: 40A6FC015844 (xe cũ đã qua sử dụng). Qua xác minh, chiếc xe này Nguyễn Thị A đang dùng làm tài sản để thế chấp vay vốn (trả góp) tại Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt N (Techcombank) chi nhánh Hà Thành.

Trong quá trình điều tra, bị cáo A đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình và đã cùng gia đình khắc phục toàn bộ hậu quả, trả lại hết số tiền đã chiếm đoạt cho hai gia đình bà L và bà H với tổng số tiền là 276.000.000 đồng. Hai gia đình đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với số tiền A khai nộp cho hai lao động Minh H và P với tổng số tiền là 88.000.000đ (tám mươi tám triệu) tại C Tâm đào tạo tiếng Nhật có văn phòng tại công ty TNHH xuất khẩu lao động Bảo Sơn tại KM số 8, Lê Trọng T, An Khánh, Hoài Đ, Hà Nội gồm tiền học tiếng Nhật và phí đặt cọc đơn hàng đi xuất khẩu lao động, bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản số 12410001481293 của A Đ mở tại Ngân hàng đầu tư (BIDV) chi nhánh Hoàn Kiếm, Hà Nội và chuyển vào tài khoản số 26110003432747 của chị Vi Thị T là kế toán C Tâm, mở tại Ngân hàng đầu tư (BIDV) chi nhánh Trảng An, Hà Nội nhưng kết quả điều tra xác định chưa có đủ căn cứ để chứng minh là số tiền này được nộp cho hai lao động Minh H và P.

Trong vụ án này, ông Vũ Ngọc Bắc là người giới thiệu, giúp A tư vấn xuất khẩu lao động tại các trường trên địa bàn huyện Lạc Thủy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Lạc Thủy đã triệu tập và tiến hành xác minh nhưng ông Vũ Ngọc Bắc không có mặt ở địa phương; gia đình, C quyền địa phương cũng không biết ông Bắc hiện đang làm gì, ở đâu nên chưa có căn cứ chứng minh hành vi của ông Bắc.

Hành vi của bà Nguyễn Thị Đ, do nhận thức tin tưởng Nguyễn Thị A là người của công ty xuất khẩu lao động GIAVI nên bà Đ đã đi cùng và giới thiệu cho A người nào có nhu cầu đi xuất khẩu lao động để hưởng tiền “ H hồng” như đã thỏa Tân trước; bà Đ không có mục đích chiếm đoạt tiền của các gia đình bị hại. Sau khi nhận biết hành vi của A thì bà Đ đã chấm dứt không giới thiệu cho A người nào đi xuất khẩu lao động nữa và đã tích cực cùng bà L đòi lại số tiền đã nộp cho A; đã trả lại cho bà H và bà L tiền công môi giới đã nhận từ A đồng thời đã trình báo hành vi của A đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Lạc Thủy, nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý.

Đối với ông Hoàng Đình C và A Nguyễn Tiến N, quá trình điều tra xác định không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Lạc Thủy không đề cập biện pháp xử lý.

Đối với ông Vi A T là Giám đốc công ty GIAVI không biết việc A đã lợi dụng dA nghĩa Công ty để tư vấn T tiền đi xuất khẩu lao động của hai gia đình bà L và bà H nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Lạc Thủy không đề cập biện pháp xử lý.

Trong vụ án này còn có ông Trịnh Quốc T, Hiệu trưởng Trường cao đẳng cơ điện Tây Bắc đã cho A mượn phòng làm việc để đặt Văn phòng đại diện. Xét việc làm của ông T không có mục đích hưởng lợi gì nên Cơ quan CSĐT cũng không đề cập biện pháp xử lý.

Tại bản cáo trạng số 22/CT – VKSLT ngày 21/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Lạc Thủy đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị A về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không bàn bạc với ai, không chia tiền cho ai.

Đại diện VKSND huyện Lạc Thủy thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 và đề nghị HĐXX xem xét có nhân thân tốt, đã bồi thường, đang nuôi hai con nhỏ đề nghị HĐXX áp dụng điểm a, b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, Điều 54 – BLHS; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A 30 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: gia đình bị cáo đã khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại, không ai còn có yêu cầu gì thêm. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 48 – BLHS xác nhận thỏa Tân bồi thường giữa hai bên.

Về vật chứng: đại diện VKSND đề nghị Áp dụng Điều 47- BLHS, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch T sung vào Ngân sách nhà nước 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen và trả lại cho bị cáo A 01(Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG Gala xy S9 không sử dụng liên lạc thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 (Một) xe ô tô nhãn hiệu MAZDA 3, màu sơn trắng, BKS: 30A – 68079, số máy: P520277129, số khung: 40A6FC015844. Đại diện VKSND đề nghị chiếc xe này bị cáo

Nguyễn Thị A sử dụng làm phương tiện đi lại khi tư vấn, giao dịch, thực hiện hành vi nhưng được mua bằng nguồn tiền vay của Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt N chi nhánh Hà Thành (Techcombank) đồng thời đang là tài sản thế chấp Techcombank; đơn vị này không biết việc A sử dụng xe vào mục đích bất hợp pháp, khoản nợ đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ trả nợ và bị cáo A đã đồng ý với yêu cầu T hỏi tài sản của Ngân hàng nên đề nghị HĐXX chấp nhận cho Ngân hàng Techcombank được quản lý, xử lý theo hợp đồng.

Page |
7

Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có việc làm, T nhập ổn định nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và có gửi Luận cứ quan điểm bào chữa cho bị cáo: đồng ý với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tích cực bồi thường, bị hại đã nhận lại đủ số tiền bị chiếm đoạt và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Luật sư đưa ra thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: sau khi phạm tội, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên bị cáo đã tích cực liên hệ với các C tâm học tiếng Nhật khác để cho hai em P và Minh H được học tiếng Nhật để có thể đủ điều kiện đi xuất khẩu lao động theo nguyện vọng của các em và gia đình – đây coi như là hành vi nhằm ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm (là tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều 51 – BLHS); Luật sư nhấn mạnh các tình tiết giảm nhẹ TNHS khác của bị cáo như: trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; xét về bản chất con người bị cáo còn có thể giáo dục cải tạo ở địa phương, hoàn cảnh gia đình của bị cáo đã ly hôn phải nuôi các con còn nhỏ nếu HĐXX tuyên phạt bị cáo hình phạt tù cách ly khỏi đời sống xã hội sẽ làm ảnh hưởng tiêu cực đến cuộc sống các con của bị cáo.

Đại diện VKS nhất trí bản luận cứ của Luật sư.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên và không có ý kiến tra luận gì thêm. Trong lời nói sau cùng bị cáo trình bày rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho gia đình bị hại, hiện tại hoàn cảnh gia đình đã ly hôn, bị cáo đang nuôi con nhỏ nên đề nghị HĐXX cho bị cáo một cơ hội là được hưởng án treo để giáo dục cải tạo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tra luận công khai tại phiên tòa; HĐXX nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan CSĐT Công an huyện Lạc Thủy, Điều tra viên, VKSND huyện Lạc Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng trong vụ án. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy, bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự; Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác do Cơ quan CSĐT T thập được cũng như nội dung Cáo trạng mà VKSND huyện Lạc

Thủy đã truy tố. Do vậy có đủ căn cứ để chứng minh: trong khoảng thời gian tháng 5/2018, Nguyễn Thị A đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối, tuy không phải là người của công ty cổ phần xây dựng nhân lực GIAVI có trụ sở tại 130 Nguyễn Đ Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội có chức năng đưa người lao động Việt N đi làm việc ở nước ngoài (xuất khẩu lao động) nhưng lợi dụng sự quen biết với A Nguyễn Tiến N là nhân viên tuyển dụng cũ của Công ty GIAVI, mặc dù không được sự uỷ quyền của người có thẩm quyền nhưng Nguyễn Thị A vẫn lấy một số hồ sơ pháp lý của Công ty GIA VI do N để trên xe ô tô của A mang đến địa 8 bàn huyện Lạc Thủy giới thiệu mình là nhân viên tuyển dụng của công ty GIAVI để tuyển dụng người đi xuất khẩu lao động rồi chiếm đoạt của gia đình bà Quách Thị H số tiền 173.000.000 đồng và của gia đình bà Nguyễn Thị L số tiền 103.000.000 đồng., tổng là 276.000.000đ (hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

Với hành vi của bị cáo Nguyễn Thị A như nêu trên, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy truy tố bị cáo về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp được pháp luật bảo vệ nên cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện tính chất vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Xét về nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo được sinh ra trong gia đình lao động được bố mẹ nuôi ăn học hết phổ thông, bị cáo có nhân thân tốt thể hiện qua lý lịch của bị cáo chưa có tiền sự, tiền án.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết nào.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan CSĐT cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Bị cáo đã có ý thức, hành vi làm giảm bớt tác hại của tội phạm (Điểm a Khoản 1 Điều 51 – BLHS) như vị Luật sư đã bào chữa; đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại (Điểm b, s khoản 1 - BLHS); Bà Quách Thị H và bà Nguyễn Thị L đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hoàn cảnh gia đình bị cáo đã ly hôn, đang nuôi con nhỏ, nếu bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly khỏi đời sống xã hội sẽ ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của gia đình bị cáo – đây là các tình tiết giảm nhẹ TNHS khác để có thể giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định Khoản 2 Điều 51 – BLHS. Nên xét thấy áp dụng mức hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt truy tố đối với bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 54, Điều 65 của BLHS là phù hợp. Thể hiện sự KHn hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp, T nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường đầy đủ cho những người bị hại. Bà H đã nhận đủ 173.000.000đ và bà L đã nhận đủ 108.000.000đ theo yêu cầu (Trong đó 103.000.000đ là tiền nộp đi xuất khẩu lao động và 5.000.000đ là tiền bồi thường phát sinh chi phí do hành vi phạm tội gây ra). Thỏa Tận giữa bị cáo và bà H, bà L phù hợp với quy định tại Điều 48 – BLHS, HĐXX thấy cần ghi nhận.

Tại phiên tòa, A Nguyễn Thế A vắng mặt lần thứ 2, không có lý do. Bị cáo A khai số tiền A Nguyễn Thế A đứng ra trả cho hai người bị hại là do ý chí của A và là tiền của mẹ để bị cáo đưa cho A Thế A lúc đó là chồng của bị cáo đứng ra bồi thường (Và sau này vợ chồng bị cáo đã ly hôn). Hôm nay bà Hồng mẹ của bị cáo cũng vắng mặt và có đơn xin

vắng mặt. Do vậy HĐXX xét thấy số tiền này tại phiên tòa người bị hại đã nhận đủ nên ghi nhận gia đình bị cáo đã bồi thường hoàn trả xong toàn bộ; trường hợp sau này, nếu A Thê A, bà Hồng có yêu cầu đòi lại hoặc phát sinh trA chấp thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác giữa A Thê A, bà Hồng và bị cáo A.

Về xử lý của Cơ quan CSĐT đối với ông Vũ Ngọc Bắc, bà Nguyễn Thị Đ, Công ty Gia Vi, A Nguyễn Tiến N, ông Trịnh Quốc T, ông Hoàng Đình C, HĐXX thấy phù hợp. Page | 9
Bồi tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án này chưa chứng minh được những người này cố ý cùng thực hiện tội phạm, có mục đích chiếm đoạt, đồng phạm với bị cáo Nguyễn Thị A nên không xử lý trong vụ án này.

Đối với hai khoản tiền A khai chuyển cho A Khổng Văn X hai lần: 10.000.000đ (cho lao động P) và 5.000.000 đồng (cho lao động Minh H); hành vi của A X ngay thẳng và là một mối quan hệ khác nên số tiền này HĐXX không đề cập xử lý trong vụ án này.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội dA, hình phạt và các vấn đề khác HĐXX xét thấy phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[5] Đề nghị của hai Luật sư là có căn cứ, HĐXX đã cân nhắc áp dụng.

[6] Về vật chứng: - Cần tịch T sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen của bị cáo A là công cụ phạm tội (Theo quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều 47 – BLHS);

- Cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị A 01 điện thoại SAM SUNG Gala xy S9 (Theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự) .

- Đối với 01 (Một) xe ô tô nhãn hiệu MAZDA 3, màu sơn trắng, BKS: 30A - 68079, số máy: P520277129, số khung: 40A6FC015844 (xe cũ đã qua sử dụng) bị cáo mua bằng nguồn tiền vay Ngân hàng Techcombank và đang dùng C chiếc xe này để thế chấp bảo đảm tiền vay, Techcombank không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tuyên giao cho Ngân hàng Techcombank quản lý và xử lý theo hợp đồng vay nợ là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 47 của BLHS; trường hợp phát sinh trA chấp giữa Ngân hàng Techcombank và bị cáo A thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo trình tự tố tụng dân sự.

[7] **Về án phí:** Bị cáo Nguyễn Thị A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. **Về tội dA:** tuyên bố Bị cáo Nguyễn Thị A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[2]. **Về hình phạt:** Áp dụng điểm a khoản 3 điều 174; điểm a, b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS; Điều 54; Điều 65 – BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị A cho Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Quỳnh, ThA Trì, Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với C quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Nguyễn Thị A cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 – BLHS, ghi nhận thỏa Tận giữa hai bên gia đình bị cáo và bị hại; theo đó: bà Quách Thị H đã nhận đủ số tiền 173.000.000 đ (Một trăm bảy mươi ba triệu đồng); bà Nguyễn Thị L đã nhận đủ số tiền 108.000.000đ (Một trăm linh tám triệu đồng) theo yêu cầu.

Page |
10

[4]. Vật chứng của vụ án: Điểm a, Khoản 1 Điều 47 – BLHS; Khoản 2 Điều 47 của BLHS; Điểm a, Khoản 3, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch T sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen của bị cáo Nguyễn Thị A;

- Tuyên cho Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt N chi nhánh Hà Thành (Techcombank) được quyền nhận tài sản thế chấp là: (Một) xe ô tô nhãn hiệu MAZDA 3, màu sơn trắng, BKS: 30A - 68079, số máy: P520277129, số khung: 40A6FC015844 để quản lý, xử lý theo hợp đồng vay nợ giữa Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt N chi nhánh Hà Thành (Techcombank) với bị cáo Nguyễn Thị A; trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo trình tự tố tụng dân sự.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị A 01 điện thoại SAM SUNG Gala xy S9;

Toàn bộ vật chứng đang L giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/10/2019 và Phiếu nhập kho số 0000002 ngày 29/10/2019.

[5]. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Thị A phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình để xét xử phúc thẩm; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo tương tự, về những nội dung trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình; quyền kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- VKSND huyện Lạc Thủy;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Công an huyện Lạc Thủy;
- Bị cáo; Người bị hại; Người có QL.NVLQ;
- Thi hành án HS;
- Chi cục Thi hành án DS Lạc Thủy;
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- UBND xã Vĩnh Quỳnh,
- ThA Trì, Hà Nội;
- L HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Lan Hương

